

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08-11-2019
V/v “Ly hôn, t/c về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Xuân Sơn
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vũ Thị Hảo
2. Ông Huỳnh Bình

*** Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Đặng Quang Tuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thanh Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1984;

Hộ khẩu thường trú: Tổ 12, Ấp M, xã V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Số nhà 40, Tổ 29, ấp T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Duy T, sinh năm: 1980;

Nơi cư trú: Tổ 12, Ấp M, xã V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Chị M có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ và phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 185 ngày 12/12/2006. Chị và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, anh T hay ghen tuông vô cớ, đồng thời hay chơi cờ bạc, không phụ giúp kinh tế gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, làm cho cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị có hòa giải để hàn gắn tình cảm nhưng không thành do anh T không chịu thay đổi. Mâu thuẫn của chị và anh T chưa được chính quyền địa phương hòa giải. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Trần Quỳnh H, sinh ngày 28/10/2007, Trần Quỳnh N, sinh ngày 06/6/2009 và Trần Đại Ng, sinh ngày 18/6/2013. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng 3 con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/3 con. Tại phiên tòa chị M xin thay đổi yêu cầu về nuôi con: Chị xin nuôi dưỡng cháu N, giao cháu H, cháu Ng cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Vì cháu N muốn ở với chị, còn cháu H muốn ở với anh T. Về điều kiện nuôi con thì chị và anh T đều có đủ điều kiện để nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Trần Duy T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn không tham gia tố tụng nên không có lời khai.*

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ;

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định;

+ Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự: Nguyên đơn, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành và thực

hiện đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không hợp tác gây khó khăn cho công tác giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T đã có mâu thuẫn trầm trọng, chị M không còn tình cảm với anh T. Đề nghị cho chị M được ly hôn với anh T; Về quan hệ con chung: Chị M anh T có 3 con chung. Đề nghị giao cháu N cho chị M, giao cháu H, cháu Ng cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết. Án phí: Chị M phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; anh Trần Duy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị M khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Trần Duy T, nơi cư trú: Tổ 12, Ấp M, xã V, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị Nguyễn Thị M là nguyên đơn, anh Trần Duy T là bị đơn; quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Duy T kết hôn với nhau năm 2006, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được UBND xã V, huyện C, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 185, ngày 12/12/2006 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ xét thấy tình trạng hôn nhân của chị M và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thể hiện qua lời trình bày của chị M, kết quả xác minh tại UBND xã V, huyện C: Trong cuộc sống, chị M và anh T không thương yêu, quan tâm, giúp đỡ nhau, chị M và anh T đã ly thân nhau từ tháng 12/2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị M, anh T đã nhiều lần cố gắng hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng không có kết quả nên chị M, anh T mạnh ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần để giúp chị M, anh T hòa giải nhằm hàn gắn, đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng chị M xác định không còn tình cảm với anh T, kiên quyết ly hôn, anh T không tham gia tố tụng thể hiện anh T không mong muốn vợ chồng hàn gắn,

đoàn tụ, không có trách nhiệm với cuộc hôn nhân của mình. Do đó, cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Trần Duy T là có cơ sở.

[4]. Về con chung: Chị M và anh T có 03 con chung tên là Trần Quỳnh H, sinh ngày 28/10/2007, Trần Quỳnh N, sinh ngày 06/6/2009 và Trần Đại Ng, sinh ngày 18/6/2013. 03 con chung đang do chị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Ý kiến của chị M: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N và giao cháu H, cháu Ng cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời chị và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T chưa có ý kiến về vấn đề này. Ý kiến của cháu N muốn sống với chị M, cháu H muốn sống với anh T. Xét thấy, chị M và anh T đều có đủ điều kiện nuôi con. Để bảo đảm con chung được phát triển về thể chất, việc học hành và phát triển tốt về mặt tinh thần nên giao cháu N cho chị M, giao cháu H, cháu Ng cho anh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (cũng phù hợp với ý kiến của cháu N, cháu H) và không ai phải cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở. Chị M, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001818 ngày 21/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 48, 68, 147, 220, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 85, 87, 88, 89, 91, 92, 93 và Điều 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Trần Duy T.

[2]. Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Duy T có 03 con chung tên là Trần Quỳnh H, sinh ngày 28/10/2007, Trần Quỳnh N, sinh ngày 06/6/2009 và Trần Đại Ng, sinh ngày 18/6/2013. Giao cháu Trần Quỳnh N, sinh ngày 06/6/2009 cho chị M, giao cháu Trần Quỳnh H, sinh ngày 28/10/2007 và Trần Đại Ng, sinh ngày 18/6/2013 cho anh Trần Duy T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời chị M, anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Chị M, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0001818 ngày 21/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị M được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Duy T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND huyện Vĩnh Cửu (02);
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu (01);
- UBND xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu (01);
- Lưu hồ sơ, VP (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà
(đã ký)

Võ Xuân Sơn